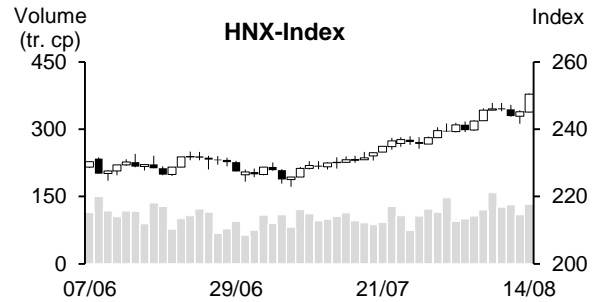
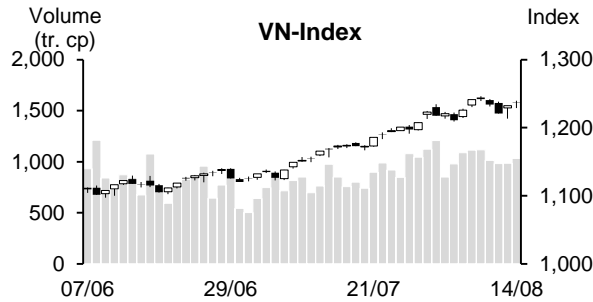


14/08/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,236.84	0.38%	1,243.43	0.21%	250.44	2.12%
Tổng KLGD (tr. cp)	1,106.63	9.27%	253.62	5.23%	135.73	15.54%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	1,033.30	5.02%	228.24	-2.83%	132.93	21.94%
TB 20 phiên (tr. cp)	978.02	5.65%	251.31	-9.18%	112.29	18.38%
Tổng GTGD (tỷ VND)	23,553	10.65%	8,118	1.28%	2,412	29.12%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	21,976	6.25%	7,462	-4.61%	2,341	35.73%
TB 20 phiên (tỷ VND)	19,597	12.14%	7,142	4.48%	1,835	27.58%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	315	59%	17	57%	123	48%
Số mã giảm	159	30%	11	37%	73	29%
Số mã đứng giá	58	11%	2	7%	60	23%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sắc xanh ngập tràn thị trường chứng khoán Việt Nam trong phiên ngày thứ hai đầu tuần. Sau những phút giằng co đầu phiên, các chỉ số chính đồng loạt nhích tăng với sự dẫn dắt của các cổ phiếu bất động sản và chứng khoán. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về số mã tăng giá khi lực cầu cũng lan tỏa tích cực đến nhiều nhóm ngành khác. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh của một vài Bluechips riêng lẻ như VCB, MSN, GAS, SSB là nguyên nhân chính khiến VN-Index không thể bứt phá mạnh mẽ hơn. Thanh khoản duy trì ở mức cao cho thấy thị trường vẫn đang thu hút được dòng tiền. Mặt khác, giao dịch khối ngoại lại mang đến những tín hiệu tiêu cực khi khối này đẩy mạnh bán ròng trong phiên hôm nay.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và giữ trên mức bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn hoạt động khá mạnh. Không những vậy, chỉ số có phiên vượt qua áp lực của MA5 và duy trì đóng cửa trên đường MA20 hướng lên, cùng với đường ADX nằm trên vùng 46 và đường +DI vẫn nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn và chỉ số có cơ hội hướng lên thử thách vùng mục tiêu quanh ngưỡng tâm lý 1.300 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm mạnh vượt qua ngưỡng tâm lý 250 điểm và duy trì đóng cửa trên MA20 hướng lên, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn đang tiếp diễn và chỉ số có thể hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, thị trường đang tiếp diễn xu hướng phục hồi sau phiên tăng 14/8. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục thực hiện các vị thế giao dịch lướt sóng, với ưu tiên là các cổ phiếu có cơ bản tốt, triển vọng kinh doanh khả quan, và đang thu hút được dòng tiền mạnh.

Cổ phiếu khuyến nghị: IDC (Mua)

Cổ phiếu quan sát: HPG, FCN

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	IDC	Mua	15/08/23	48.9	48.9	0.0%	55.5	13.5%	46.5	-4.9%	Đang xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Cắt lỗ	Tín hiệu kỹ thuật
1	HPG	Quan sát mua	15/08/23	28.15	31-32.5	26.5	Nhịp hồi hiện tại đã phủ nhận các nền giảm vol to trước đó + giá quay trở lại trên cặp EMA12,26 kèm vol tăng -> khả năng quay trở lại xu hướng tăng sau nhịp rũ bỏ, có thể canh mua vùng 27.3-27.7
2	FCN	Quan sát mua	15/08/23	17.45	20-21	16.3	Tiếp tục nền tăng, xác nhận nền rút chân rũ bỏ trước đó -> khả năng quay lại xu hướng tăng và có thể sớm vượt đỉnh quanh 18, có thể canh mua vùng 16.9-17.1

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTG	Mua	30/05/23	32.3	28	15.4%	37.65	34.5%	27.2	-2.9%	
2	OIL	Mua	25/07/23	11.35	10.93	3.8%	13.9	27.2%	10.3	-6%	
3	TDN	Mua	27/07/23	11	11.3	-2.7%	13	15%	10.8	-4%	
4	POW	Mua	07/08/23	13.75	13.6	1.1%	16.1	18.4%	13.1	-4%	
5	BWE	Mua	08/08/23	46.05	46.3	-0.5%	55.8	20.5%	44.3	-4%	
6	VGS	Mua	14/08/23	19.5	19.1	2.1%	21.7	14%	17.9	-6%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Tín dụng đến cuối tháng 7 tăng trưởng 4.3% so với đầu năm

Báo cáo từ một số CTCK cho thấy tăng trưởng tín dụng đến cuối tháng 7 được ghi nhận là 4.3% so với cuối năm 2022 - giảm nhẹ so với mức 4.7% được công bố vào cuối tháng 6.

Đẩy mạnh tín dụng nhưng không hạ chuẩn tín dụng là mục tiêu lớn nhất mà Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đưa ra cho việc điều hành chính sách tiền tệ trong 6 tháng cuối năm. Trong đó, gói chính sách hỗ trợ ngành lâm thủy sản (trị giá 15 nghìn tỷ đồng) hay tiếp tục thực hiện cơ cấu khoản nợ (hoãn, giãn) theo Thông tư 02/2023 là những nội dung được đẩy mạnh, bên cạnh kết hợp chính sách tài khóa mở rộng, bao gồm thúc đẩy giải ngân đầu tư công và các biện pháp hỗ trợ kích cầu tiêu dùng nội địa.

Trong báo cáo ghi nhận số liệu chính thức của NHNN, tăng trưởng tín dụng trong 6 tháng đầu năm chỉ đạt 4.73% so với cuối năm 2022 (tương đương mức tăng 9.3% so với cùng kỳ), cách khá xa so với mức NHNN giao là 14%. Trong đó, điểm sáng là tín dụng cho ngành thương mại (+11.8%) và ngành xây dựng (+12.5%) giữ được đà tăng hai chữ số so với cùng kỳ. Tăng trưởng tín dụng cho ngành vận tải và viễn thông đã có sự phục hồi gần đây (+6.1%), tuy nhiên tăng trưởng tín dụng ngành nông nghiệp (+2.9%) và công nghiệp (+2.7%) vẫn tiếp tục suy yếu.

Việt Nam chi gần 1,87 tỷ USD nhập khẩu ô tô nguyên chiếc

Theo số liệu thống kê sơ bộ Tổng cục Hải quan vừa công bố, tháng 7/2023 cả nước nhập khẩu 8.929 ô tô nguyên chiếc các loại, tổng kim ngạch hơn 217 triệu USD, giảm 0,9 về lượng nhưng giảm tới 13,1% so với tháng trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2023 cả nước nhập khẩu gần 80.000 ô tô nguyên chiếc các loại (79.822 ô tô), tổng kim ngạch đạt gần 1,87 tỷ USD, tăng 2,4% về lượng và tăng 0,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái.

Thái Lan tiếp tục dẫn đầu thị phần nhập khẩu ô tô trong tháng 7/2023 và 7 tháng đầu năm 2023 với kết quả: 3.714 xe, kim ngạch gần 84 triệu USD trong tháng 7 và 36.087 xe, kim ngạch 762,2 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2023.

Công bố liên doanh trúng gói thầu hơn 9.000 tỷ đồng xây Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất

Mới đây, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) đã công bố Quyết định 3288/QĐ-TCTCHKVN phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu số 12 "Xây dựng và lắp đặt thiết bị nhà ga hành khách T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất".

Theo đó, gói thầu giá trị hơn 9.000 tỷ đồng sẽ do Liên danh 6 nhà thầu đảm nhận bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Nội (Hancorp); Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (CC1); Tổng Công ty 319 (Bộ Quốc phòng); Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn; Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng RICON; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Lưu Nguyễn.

Nguồn: Cafef, Vietstock, VnEconomy

MWG: Doanh thu tháng 7 giảm 11%, Bách Hóa Xanh kỳ vọng lớn có thể hòa vốn vào cuối năm

CTCP Đầu tư Thế giới Di Động (mã chứng khoán: MWG) vừa công bố kết quả sơ bộ tháng 7 với doanh thu 9.800 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu của Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đạt 6.700 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so tháng trước.

Trong khi đó doanh thu của Bách Hóa Xanh tăng 9% so tháng trước lên khoảng 2.800 tỷ đồng. Doanh thu của một cửa hàng trong chuỗi đạt 1,6 tỷ đồng (tăng 10% so tháng 6), chưa bao gồm doanh thu online.

Với chuỗi nhà thuốc An Khang, MWG chưa có kế hoạch mở rộng trong năm nay. Trong nửa đầu năm 2023, An Khang tập trung nâng cao năng lực dược sĩ và nguồn cung ứng thuốc – nhờ đó nâng tỷ lệ thuốc trong cơ cấu sản phẩm từ mức 50% trước đây lên 60%. Mục tiêu của chuỗi là tiến tới điểm hòa vốn vào cuối năm 2023.

Còn với, AVAKids & EraBlue, trong nửa đầu năm 2023, doanh thu của hai chuỗi lần lượt đạt 350 tỷ đồng và 150 tỷ đồng. Ban lãnh đạo không có kế hoạch mở rộng AVAKids nhưng đặt mục tiêu mở thêm 25 cửa hàng EraBlue trong nửa cuối năm 2023.

Viconship sẽ chi thêm 120 tỷ đồng để nâng sở hữu tại Nam Hải Đình Vũ lên tối đa 44%

Mới đây, HĐQT CTCP Container Việt Nam (Viconship, VSC) vừa thông qua việc điều chỉnh phương án chào bán cổ phiếu để đầu tư vào công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ. Theo đó, số lượng cổ phiếu sẽ được Viconship chào bán là hơn 133,3 triệu cổ phiếu nhưng giữ nguyên tỷ lệ 1:1. Thời gian thực hiện được kéo dài từ năm 2023 đến năm 2024 sau khi UBCKNN chấp thuận. Như vậy, số tiền huy động dự kiến tăng thêm 120 tỷ đồng, từ 1.212 tỷ đồng lên 1.334 tỷ đồng.

Với số tiền huy động được, công ty dự kiến dùng 1.320 tỷ đồng nhận chuyển nhượng thêm vốn của Nam Hải Đình Vũ, nâng tỷ lệ sở hữu lên tối đa 44% vốn điều lệ của công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ. Số tiền còn lại bổ sung vốn lưu động.

Theo kế hoạch ban đầu, Viconship dự kiến chào bán hơn 121,2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, giá chào bán 10.000 đồng/cp. Thời gian thực hiện trong năm 2023 sau khi UBCKNN chấp thuận.

Đạm Phú Mỹ sắp chia cổ tức 1.2 ngàn tỷ đồng

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo hay Đạm Phú Mỹ, HOSE: DPM) thông báo chốt quyền trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/08/2023. Với tỷ lệ thực hiện 30% - cùng hơn 391.3 triệu cp đang lưu hành, ước tính ông lớn phân bón cần chi khoảng 1.2 ngàn tỷ đồng để hoàn tất chi trả cho cổ đông. Ngày thực hiện dự kiến vào 31/08/2023.

Theo nghị quyết được thông qua tại ĐHĐCĐ 2023, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 của DPM là 70%. Trước đó, vào đầu tháng 3/2023, DPM đã chi gần 1.6 ngàn tỷ đồng cổ tức đợt 1/2022 với tỷ lệ 40%.

Hiện tại, DPM là công ty con của PVN (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với tỷ lệ sở hữu 59.59% - tương đương hơn 233 triệu cp. Như vậy, sắp tới, PVN sẽ nhận được khoảng 715 tỷ đồng.

Nguồn: Cafef, Vietstock

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
BID	47,600	1.93%	0.09%
VIC	73,300	0.96%	0.05%
HPG	28,150	1.62%	0.05%
GVR	21,550	2.13%	0.04%
VND	21,400	6.73%	0.03%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
CEO	21,300	9.79%	0.32%
HUT	27,400	7.45%	0.22%
SHS	16,800	5.00%	0.21%
IDC	48,900	2.95%	0.15%
KSV	28,500	8.78%	0.15%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	89,000	-1.55%	-0.16%
MSN	82,200	-2.72%	-0.07%
GAS	100,600	-0.89%	-0.03%
SSB	29,750	-2.14%	-0.03%
VRE	30,300	-1.46%	-0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DTK	11,200	-2.61%	-0.07%
VC7	30,200	-9.85%	-0.05%
SEB	39,700	-9.36%	-0.04%
PRE	17,000	-4.49%	-0.03%
BAB	14,200	-0.70%	-0.03%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VND	21,400	6.73%	58,784,078
HPG	28,150	1.62%	44,967,169
NVL	21,250	1.67%	44,658,264
VIX	17,000	4.94%	40,857,195
DIG	27,500	3.77%	32,714,376

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	16,800	5.00%	32,174,959
CEO	21,300	9.79%	15,792,630
IDC	48,900	2.95%	5,355,938
PVS	35,000	0.00%	5,024,341
MBS	19,100	4.37%	4,521,768

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	28,150	1.62%	1,261.5
VND	21,400	6.73%	1,236.8
NVL	21,250	1.67%	954.7
VIC	73,300	0.96%	938.4
DIG	27,500	3.77%	902.3

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHS	16,800	5.00%	530.3
CEO	21,300	9.79%	332.8
IDC	48,900	2.95%	259.0
PVS	35,000	0.00%	176.1
HUT	27,400	7.45%	107.5

Thống kê giao dịch thỏa thuận

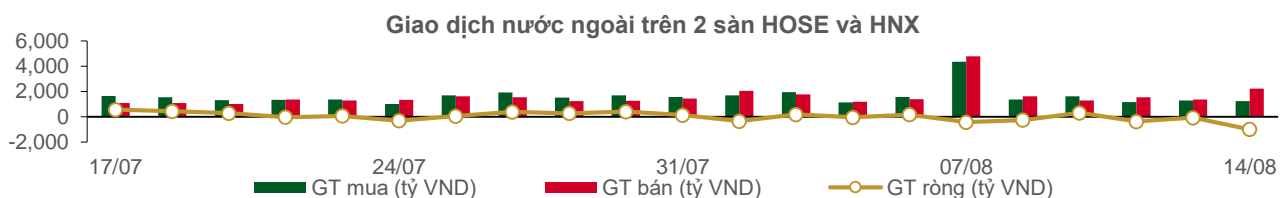
TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
EIB	9,706,540	232.48
VIB	10,324,172	212.16
DPM	2,817,200	105.36
SSB	3,420,000	102.60
BVH	2,010,000	92.86

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
HUT	2,100,000	51.03
VC3	279,000	7.11
GKM	171,000	6.05
KSF	120,000	4.92
SHS	120,000	1.92

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	43.95	1,226.99	72.51	2,183.80	(28.56)	(956.81)
HNX	0.51	15.42	1.82	43.65	(1.31)	(28.23)
Tổng 2 sàn	44.46	1,242.41	74.33	2,227.45	(29.86)	(985.04)



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
HPG	28,150	9,217,977	258.86
VNM	73,400	1,709,550	125.16
VHM	61,200	1,729,579	106.20
VIC	73,300	815,470	60.16
FUEVFVND	26,140	2,011,900	52.47

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
IDC	48,900	150,000	7.25
TNG	20,000	214,130	4.31
HUT	27,400	39,200	1.08
PVI	50,000	11,100	0.55
VNR	27,600	17,600	0.49

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VHM	61,200	3,087,180	189.50
HPG	28,150	5,380,104	150.34
MSN	82,200	1,581,456	131.42
STB	31,900	4,033,230	127.83
VNM	73,400	1,726,698	126.29

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
PVS	35,000	616,588	21.55
IDC	48,900	134,110	6.46
TNG	20,000	241,200	4.86
IVS	13,500	275,160	3.74
CEO	21,300	102,325	2.17

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	28,150	3,837,873	108.52
CTG	32,300	851,000	27.44
KBC	32,450	781,294	25.26
CTD	67,300	207,090	13.98
HSG	20,100	553,907	11.14

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HUT	27,400	33,700	0.93
IDC	48,900	15,890	0.78
PVI	50,000	11,100	0.55
VNR	27,600	17,600	0.49
TVD	16,300	27,000	0.44

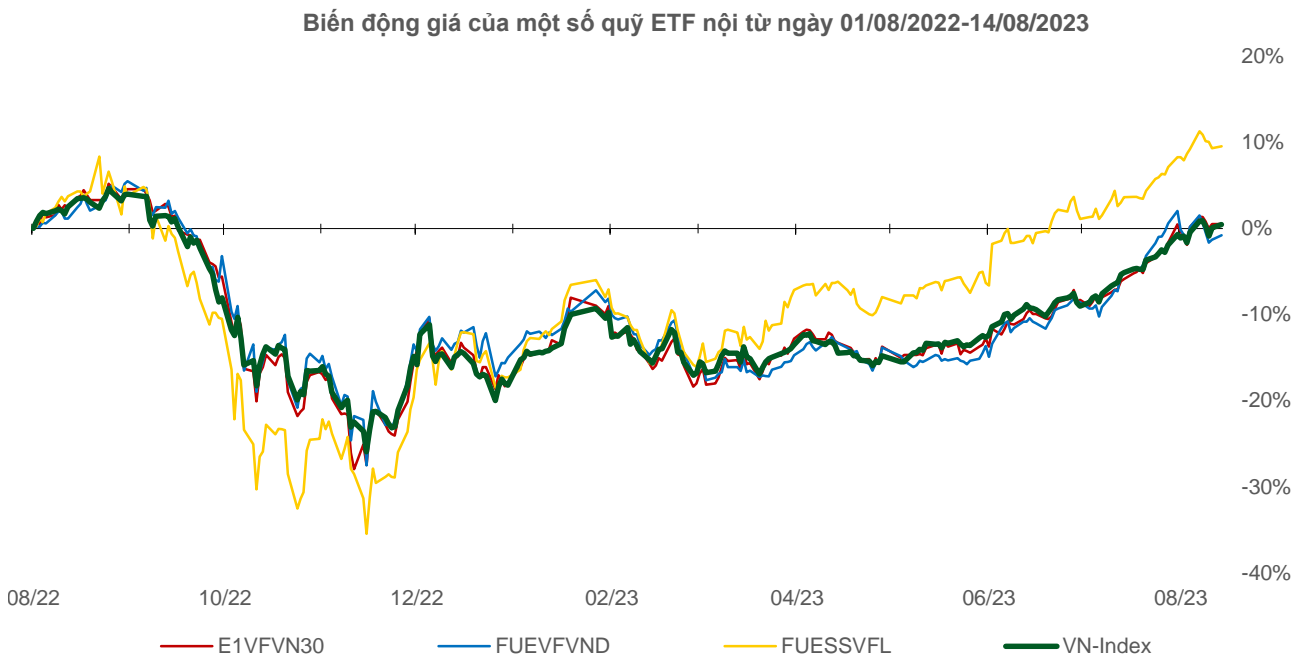
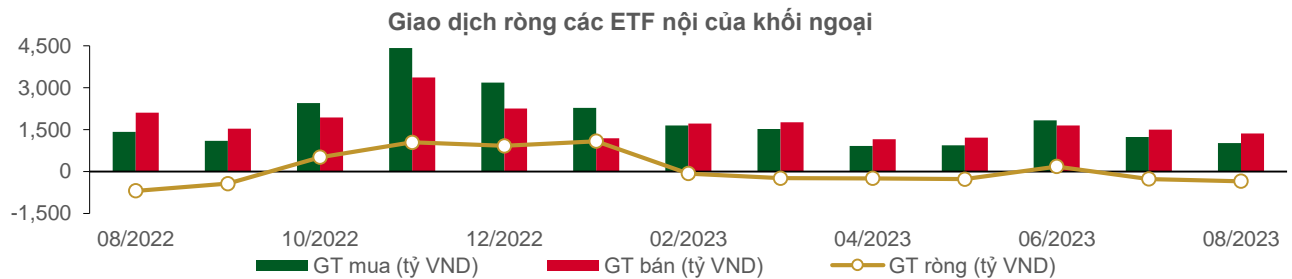
TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
MSN	82,200	(1,402,156)	(116.53)
BVH	46,900	(2,200,910)	(101.79)
STB	31,900	(2,634,430)	(83.37)
VHM	61,200	(1,357,601)	(83.30)
VCB	89,000	(789,300)	(70.52)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	35,000	(616,388)	(21.54)
IVS	13,500	(270,160)	(3.67)
CEO	21,300	(101,325)	(2.15)
NVB	16,400	(110,436)	(1.78)
MBG	6,100	(211,200)	(1.29)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	21,210	0.0%	5,284,531	112.53	E1VFN30	42.63	111.23	(68.60)
FUEMAV30	14,690	0.1%	29,000	0.42	FUEMAV30	0.40	0.07	0.33
FUESSV30	15,200	0.1%	19,600	0.30	FUESSV30	0.08	0.03	0.05
FUESSV50	18,500	-2.6%	26,301	0.50	FUESSV50	0.08	0.00	0.08
FUESSVFL	19,010	0.2%	146,500	2.80	FUESSVFL	0.59	1.81	(1.22)
FUEVFN30	26,140	0.5%	2,573,506	67.14	FUEVFN30	52.47	65.98	(13.50)
FUEVN100	16,220	1.1%	92,800	1.50	FUEVN100	0.77	0.86	(0.09)
FUEIP100	8,990	1.9%	900	0.01	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	8,190	1.2%	64,400	0.53	FUEKIV30	0.20	0.32	(0.12)
FUEDCMID	10,450	1.8%	14,402	0.15	FUEDCMID	0.00	0.13	(0.13)
FUEKIVFS	11,000	1.3%	49,000	0.54	FUEKIVFS	0.26	0.27	(0.01)
FUEMAVND	10,930	0.0%	301,100	3.28	FUEMAVND	3.27	3.28	(0.01)
FUEFCV50	15,510	7.0%	138	0.00	FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	11,610	0.0%	0	0.00	FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng			8,602,178	189.69	Tổng cộng	100.74	183.98	(83.23)



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện chứng quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2208	1,550	2.0%	21,140	22	23,050	1,557	7	17,940	3.3	05/09/2023
CFPT2210	680	-8.1%	40,090	17	82,600	635	(45)	77,380	8.6	31/08/2023
CFPT2213	2,210	-3.1%	1,820	22	82,600	2,169	(41)	64,050	8.6	05/09/2023
CFPT2214	2,210	1.8%	1,200	79	82,600	2,053	(157)	65,340	8.6	01/11/2023
CFPT2302	1,210	0.0%	20	2	82,600	1,108	(102)	73,080	8.6	16/08/2023
CFPT2303	1,300	-4.4%	80,340	87	82,600	1,132	(168)	73,940	8.6	09/11/2023
CFPT2304	1,920	1.6%	1,990	126	82,600	1,192	(728)	72,000	10.0	18/12/2023
CFPT2305	3,000	-2.0%	20,460	247	82,600	1,663	(1,337)	68,000	10.0	17/04/2024
CHDB2301	600	-1.6%	5,600	77	17,150	330	(270)	16,830	3.5	30/10/2023
CHDB2302	750	0.0%	2,540	101	17,150	419	(331)	16,540	3.5	23/11/2023
CHDB2303	720	0.0%	320	133	17,150	332	(388)	17,500	3.5	25/12/2023
CHDB2304	950	-1.0%	190	224	17,150	362	(588)	18,280	3.5	25/03/2024
CHDB2305	860	0.0%	850	196	17,150	309	(551)	18,470	3.5	26/02/2024
CHDB2306	1,000	1.0%	3,340	317	17,150	359	(641)	19,340	3.5	26/06/2024
CHPG2226	4,380	6.1%	31,250	22	28,150	4,340	(40)	19,500	2.0	05/09/2023
CHPG2227	4,170	6.4%	22,130	79	28,150	3,943	(227)	20,500	2.0	01/11/2023
CHPG2302	4,060	1.0%	100	44	28,150	4,114	54	20,000	2.0	27/09/2023
CHPG2304	2,780	23.0%	190	2	28,150	2,577	(203)	23,000	2.0	16/08/2023
CHPG2306	2,820	4.8%	53,580	87	28,150	2,796	(24)	20,000	3.0	09/11/2023
CHPG2307	1,920	6.1%	9,830	141	28,150	1,624	(296)	22,670	4.0	02/01/2024
CHPG2308	1,750	8.0%	27,050	77	28,150	1,608	(142)	22,110	4.0	30/10/2023
CHPG2309	2,080	2.0%	129,860	284	28,150	2,238	158	24,000	3.0	24/05/2024
CHPG2310	1,420	8.4%	35,270	49	28,150	1,309	(111)	23,220	4.0	02/10/2023
CHPG2311	2,050	4.6%	18,990	109	28,150	1,853	(197)	21,230	4.0	01/12/2023
CHPG2312	1,700	6.3%	7,080	141	28,150	1,424	(276)	23,780	4.0	02/01/2024
CHPG2313	2,000	5.8%	2,480	200	28,150	1,626	(374)	23,330	4.0	01/03/2024
CHPG2314	3,880	4.9%	36,730	199	28,150	3,914	34	21,450	2.0	29/02/2024
CHPG2315	1,790	8.5%	14,650	315	28,150	1,251	(539)	27,780	4.0	24/06/2024
CHPG2316	1,980	4.8%	5,750	406	28,150	1,304	(676)	28,890	4.0	23/09/2024
CHPG2317	1,560	7.6%	1,530	196	28,150	1,097	(463)	26,890	4.0	26/02/2024
CHPG2318	1,360	6.3%	23,490	225	28,150	905	(455)	29,220	4.0	26/03/2024
CHPG2319	1,630	6.5%	30,730	317	28,150	1,019	(611)	30,110	4.0	26/06/2024
CHPG2320	2,410	4.8%	5,470	126	28,150	1,791	(619)	27,000	2.0	18/12/2023
CHPG2321	2,860	1.1%	165,970	247	28,150	2,047	(813)	24,500	3.0	17/04/2024
CHPG2322	3,130	4.0%	1,340	338	28,150	2,142	(988)	30,000	2.0	17/07/2024
CMBB2211	60	0.0%	182,250	17	18,950	1	(59)	22,900	3.4	31/08/2023
CMBB2214	2,690	1.9%	560	22	18,950	2,678	(12)	14,420	1.7	05/09/2023
CMBB2215	2,530	2.0%	15,600	79	18,950	2,283	(247)	15,270	1.7	01/11/2023
CMBB2304	760	2.7%	27,410	49	18,950	704	(56)	13,010	8.5	02/10/2023
CMBB2305	740	-1.3%	2,190	141	18,950	570	(170)	14,420	8.5	02/01/2024
CMBB2306	2,300	2.2%	71,490	284	18,950	2,092	(208)	16,970	1.7	24/05/2024
CMSN2215	100	-9.1%	94,790	22	82,200	3	(97)	102,000	10.0	05/09/2023
CMSN2301	1,410	-12.4%	106,760	77	82,200	1,068	(342)	73,980	10.0	30/10/2023
CMSN2302	4,110	-8.5%	15,870	284	82,200	3,453	(657)	66,000	6.0	24/05/2024
CMSN2303	960	-14.3%	62,270	49	82,200	693	(267)	78,000	10.0	02/10/2023
CMSN2304	1,520	-9.5%	26,460	109	82,200	1,052	(468)	75,680	10.0	01/12/2023
CMSN2305	1,880	-4.6%	1,170	200	82,200	1,225	(655)	76,790	10.0	01/03/2024
CMSN2306	1,700	-8.1%	7,530	196	82,200	1,046	(654)	80,000	10.0	26/02/2024
CMSN2307	2,100	-2.8%	150	317	82,200	1,174	(926)	83,000	10.0	26/06/2024
CMWG2214	890	3.5%	121,920	22	54,200	842	(48)	46,060	9.9	05/09/2023
CMWG2215	1,220	10.9%	16,270	79	54,200	1,075	(145)	44,570	9.9	01/11/2023
CMWG2302	1,080	3.8%	61,850	87	54,200	1,217	137	49,530	5.9	09/11/2023
CMWG2303	1,170	1.7%	17,940	49	54,200	1,176	6	31,030	19.8	02/10/2023

CMWG2304	1,150	3.6%	24,940	141	54,200	1,060	(90)	33,680	19.8	02/01/2024
CMWG2305	5,470	4.8%	61,930	284	54,200	5,047	(423)	35,660	4.0	24/05/2024
CNVL2301	2,150	4.4%	27,900	77	21,250	1,980	(170)	13,460	4.0	30/10/2023
CNVL2302	1,750	6.1%	38,130	101	21,250	1,383	(367)	16,330	4.0	23/11/2023
CNVL2303	2,000	7.0%	46,780	224	21,250	1,440	(560)	17,330	4.0	25/03/2024
CNVL2304	2,020	3.6%	14,210	134	21,250	1,591	(429)	15,560	4.0	26/12/2023
CNVL2305	2,280	5.6%	36,170	317	21,250	1,637	(643)	17,000	4.0	26/06/2024
CPDR2301	2,220	4.2%	41,190	77	22,800	2,176	(44)	14,220	4.0	30/10/2023
CPDR2302	1,600	6.7%	52,880	101	22,800	1,264	(336)	18,670	4.0	23/11/2023
CPDR2303	1,940	7.2%	2,060	224	22,800	1,347	(593)	19,890	4.0	25/03/2024
CPDR2304	1,830	7.6%	31,780	134	22,800	1,457	(373)	18,000	4.0	26/12/2023
CPDR2305	2,180	6.3%	25,820	317	22,800	1,478	(702)	20,220	4.0	26/06/2024
CPOW2301	670	-1.5%	16,130	77	13,750	408	(262)	13,980	2.0	30/10/2023
CPOW2302	740	2.8%	5,350	101	13,750	405	(335)	14,330	2.0	23/11/2023
CPOW2303	620	-3.1%	44,960	133	13,750	319	(301)	15,330	2.0	25/12/2023
CPOW2304	890	-1.1%	6,230	224	13,750	364	(526)	16,330	2.0	25/03/2024
CPOW2305	950	-3.1%	7,890	196	13,750	501	(449)	15,000	2.0	26/02/2024
CPOW2306	1,210	-3.9%	530	317	13,750	556	(654)	16,000	2.0	26/06/2024
CPOW2307	1,080	-2.7%	21,850	126	13,750	656	(424)	13,500	2.0	18/12/2023
CPOW2308	950	-4.0%	82,820	247	13,750	530	(420)	12,000	5.0	17/04/2024
CPOW2309	1,430	-0.7%	1,740	277	13,750	740	(690)	14,500	2.0	17/05/2024
CSTB2224	5,930	-1.3%	6,910	22	31,900	5,966	36	20,000	2.0	05/09/2023
CSTB2225	5,920	-0.3%	18,920	79	31,900	5,772	(148)	20,500	2.0	01/11/2023
CSTB2303	5,130	-1.2%	16,150	87	31,900	5,066	(64)	22,000	2.0	09/11/2023
CSTB2304	1,050	-1.9%	182,080	77	31,900	903	(147)	28,670	5.0	30/10/2023
CSTB2305	1,320	-2.2%	350	141	31,900	1,021	(299)	29,110	5.0	02/01/2024
CSTB2306	3,800	-1.3%	14,480	284	31,900	3,063	(737)	30,000	2.0	24/05/2024
CSTB2307	730	-2.7%	79,900	49	31,900	634	(96)	30,000	5.0	02/10/2023
CSTB2308	1,290	-0.8%	1,210	109	31,900	1,107	(183)	27,800	5.0	01/12/2023
CSTB2309	1,110	-0.9%	870	141	31,900	861	(249)	30,560	5.0	02/01/2024
CSTB2310	1,350	2.3%	93,890	200	31,900	1,025	(325)	30,330	5.0	01/03/2024
CSTB2311	3,010	-2.3%	12,450	108	31,900	2,795	(215)	27,700	2.0	30/11/2023
CSTB2312	1,520	-2.6%	220	315	31,900	990	(530)	33,330	5.0	24/06/2024
CSTB2313	1,610	4.5%	29,570	406	31,900	987	(623)	35,560	5.0	23/09/2024
CSTB2314	1,200	5.3%	20	196	31,900	838	(362)	32,220	5.0	26/02/2024
CSTB2315	1,160	-0.9%	3,770	225	31,900	736	(424)	34,330	5.0	26/03/2024
CSTB2316	1,320	-2.9%	1,300	317	31,900	783	(537)	36,330	5.0	26/06/2024
CSTB2317	2,130	-0.9%	570	126	31,900	1,469	(661)	30,000	3.0	18/12/2023
CSTB2318	1,830	-1.1%	11,130	277	31,900	1,284	(546)	32,000	4.0	17/05/2024
CSTB2319	1,160	-0.9%	115,120	247	31,900	828	(332)	27,000	9.0	17/04/2024
CTCB2212	60	-14.3%	13,210	17	33,800	0	(60)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2215	1,870	1.6%	5,840	22	33,800	1,837	(33)	26,500	4.0	05/09/2023
CTCB2216	1,920	1.1%	19,100	79	33,800	1,700	(220)	27,500	4.0	01/11/2023
CTCB2301	1,430	0.0%	0	2	33,800	1,268	(162)	30,000	3.0	16/08/2023
CTCB2302	3,250	-2.4%	21,040	284	33,800	2,937	(313)	27,000	3.0	24/05/2024
CTPB2302	700	-1.4%	16,820	49	18,650	624	(76)	14,220	7.2	02/10/2023
CTPB2303	720	0.0%	9,880	141	18,650	481	(239)	15,810	7.2	02/01/2024
CVHM2216	310	0.0%	28,420	17	61,200	196	(114)	62,000	8.0	31/08/2023
CVHM2219	1,250	8.7%	12,000	22	61,200	1,140	(110)	56,000	5.0	05/09/2023
CVHM2220	1,590	0.6%	15,190	79	61,200	1,195	(395)	58,000	5.0	01/11/2023
CVHM2301	1,150	5.5%	12,590	77	61,200	828	(322)	56,880	8.0	30/10/2023
CVHM2302	4,450	0.5%	8,960	284	61,200	3,667	(783)	50,000	4.0	24/05/2024
CVHM2303	750	1.4%	42,730	49	61,200	499	(251)	59,890	8.0	02/10/2023
CVHM2304	1,600	4.6%	29,610	109	61,200	1,201	(399)	53,560	8.0	01/12/2023
CVHM2305	1,680	3.7%	9,380	200	61,200	1,076	(604)	57,780	8.0	01/03/2024
CVHM2306	1,510	4.1%	1,680	196	61,200	882	(628)	60,670	8.0	26/02/2024
CVHM2307	1,860	5.7%	2,390	317	61,200	1,015	(845)	62,670	8.0	26/06/2024
CVIB2201	3,150	2.3%	170	22	20,700	2,978	(172)	15,960	1.6	05/09/2023
CVIB2302	2,300	-2.5%	52,140	284	20,700	2,000	(300)	19,150	1.7	24/05/2024
CVIC2301	3,010	14.9%	31,480	77	73,300	2,459	(551)	53,980	8.0	30/10/2023

CVIC2302	2,990	16.8%	12,900	101	73,300	2,278	(712)	55,670	8.0	23/11/2023
CVIC2303	3,060	16.8%	32,380	133	73,300	2,079	(981)	57,780	8.0	25/12/2023
CVIC2304	2,760	-1.1%	26,220	224	73,300	2,007	(753)	59,890	8.0	25/03/2024
CVIC2305	2,900	16.0%	31,230	196	73,300	1,844	(1,056)	61,110	8.0	26/02/2024
CVIC2306	2,960	0.7%	50,190	317	73,300	1,952	(1,008)	62,220	8.0	26/06/2024
CVNM2212	230	0.0%	23,220	22	73,400	35	(195)	78,020	7.6	05/09/2023
CVNM2301	1,060	-1.9%	5,740	77	73,400	785	(275)	66,710	9.7	30/10/2023
CVNM2302	710	-1.4%	23,990	49	73,400	472	(238)	69,940	9.7	02/10/2023
CVNM2303	1,150	-1.7%	1,880	109	73,400	747	(403)	67,790	9.7	01/12/2023
CVNM2304	1,440	0.0%	160	200	73,400	810	(630)	68,760	9.7	01/03/2024
CVNM2305	1,430	-2.7%	2,560	196	73,400	661	(769)	71,020	9.7	26/02/2024
CVNM2306	1,790	3.5%	5,030	317	73,400	702	(1,088)	73,170	9.7	26/06/2024
CVPB2212	80	-20.0%	134,210	17	21,950	18	(62)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2214	1,280	0.8%	31,510	22	21,950	1,244	(36)	17,000	4.0	05/09/2023
CVPB2301	850	2.4%	1,160	44	21,950	619	(231)	19,800	4.0	27/09/2023
CVPB2302	1,640	-3.5%	3,140	2	21,950	1,676	36	18,600	2.0	16/08/2023
CVPB2303	520	0.0%	15,500	49	21,950	389	(131)	15,780	16.0	02/10/2023
CVPB2304	580	1.8%	5,640	141	21,950	334	(246)	17,000	16.0	02/01/2024
CVPB2305	2,550	-1.9%	145,210	247	21,950	1,665	(885)	18,000	3.0	17/04/2024
CVPB2306	2,450	-0.4%	16,970	126	21,950	1,487	(963)	20,000	2.0	18/12/2023
CVRE2216	240	-14.3%	46,310	17	30,300	184	(56)	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2220	480	-2.0%	56,630	22	30,300	334	(146)	30,000	4.0	05/09/2023
CVRE2221	550	-1.8%	42,070	79	30,300	351	(199)	32,500	4.0	01/11/2023
CVRE2302	800	-2.4%	39,130	77	30,300	624	(176)	28,670	5.0	30/10/2023
CVRE2303	2,790	-0.4%	6,300	284	30,300	2,446	(344)	25,000	3.0	24/05/2024
CVRE2304	540	-1.8%	12,770	49	30,300	386	(154)	30,000	5.0	02/10/2023
CVRE2305	1,110	-3.5%	66,580	109	30,300	901	(209)	27,110	5.0	01/12/2023
CVRE2306	1,200	-0.8%	240	200	30,300	830	(370)	29,330	5.0	01/03/2024
CVRE2307	1,140	-0.9%	38,450	196	30,300	727	(413)	30,330	5.0	26/02/2024
CVRE2308	1,400	6.1%	670	317	30,300	850	(550)	31,330	5.0	26/06/2024

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
STK	HOSE	30,750	39,050	09/08/2023	152	24.2	1.9
IDC	HNX	48,900	48,527	03/08/2023	48,527	6.1	2.8
PNJ	HOSE	79,400	89,000	03/08/2023	1,729	12.2	3.0
NT2	HOSE	29,650	32,500	02/08/2023	671	13.9	2.1
STB	HOSE	31,900	38,000	14/07/2023	7,259	9.9	1.6
TCM	HOSE	50,900	52,300	06/07/2023	211	20.4	2.1
PLX	HOSE	40,550	45,100	05/07/2023	3,513	18.3	2.5
ACB	HOSE	23,050	25,400	30/06/2023	14,955	6.6	1.3
VCB	HOSE	89,000	131,270	13/06/2023	36,911	16.8	3.6
BID	HOSE	47,600	57,956	13/06/2023	23,019	12.7	2.3
CTG	HOSE	32,300	39,700	13/06/2023	19,121	10.0	1.5
MBB	HOSE	18,950	27,200	13/06/2023	21,242	5.8	1.2
HDB	HOSE	17,150	23,170	13/06/2023	10,216	6.2	1.3
VPB	HOSE	21,950	19,260	13/06/2023	15,638	8.3	1.1
TCB	HOSE	33,800	47,270	13/06/2023	21,351	7.8	1.2
TPB	HOSE	18,650	24,000	13/06/2023	6,732	5.7	1.0
OCB	HOSE	19,950	22,700	13/06/2023	4,354	7.2	1.1
VIB	HOSE	20,700	29,300	13/06/2023	9,378	6.6	1.5

LPB	HOSE	18,850	18,800	13/06/2023	4,925	6.6	1.1
MSB	HOSE	14,400	21,900	13/06/2023	4,803	9.1	1.4
SHB	HOSE	12,950	15,600	13/06/2023	8,035	6.0	0.9
DHG	HOSE	116,000	111,600	13/06/2023	1,061	13.8	3.0
IMP	HOSE	68,500	68,000	13/06/2023	286	15.9	2.2
POW	HOSE	13,750	15,500	13/06/2023	2,948	14.0	1.1
GEG	HOSE	15,450	18,800	13/06/2023	208	46.5	1.7
QTP	UPCOM	17,354	23,900	13/06/2023	1,300	8.3	1.6
GAS	HOSE	100,600	111,200	13/06/2023	13,688	15.7	3.1
BSR	UPCOM	20,709	24,900	13/06/2023	8,347	6.3	0.9
PVS	HNX	35,000	30,700	13/06/2023	1,059	16.8	1.2
MPC	UPCOM	19,282	19,200	13/06/2023	597	12.9	1.3
FMC	HOSE	49,000	50,700	13/06/2023	314	10.5	1.4
MSH	HOSE	38,150	37,450	13/06/2023	262	8.2	1.3
VHM	HOSE	61,200	83,100	13/06/2023	29,034	12.5	2.3
NLG	HOSE	38,800	38,400	13/06/2023	642	22.9	1.4
KDH	HOSE	36,500	36,500	13/06/2023	1,363	19.1	1.9
VRE	HOSE	30,300	39,700	13/06/2023	3,345	26.9	2.6
KBC	HOSE	32,450	32,000	13/06/2023	2,073	11.9	1.3
DPR	HOSE	61,500	88,300	13/06/2023	239	15.9	1.0
MWG	HOSE	54,200	50,000	13/06/2023	2,325	33.3	3.0
FRT	HOSE	74,200	85,000	13/06/2023	107	111.1	6.6
DGW	HOSE	54,500	38,500	13/06/2023	393	16.3	2.4
HPG	HOSE	28,150	35,400	13/06/2023	7,698	16.6	1.2
VNM	HOSE	73,400	70,200	13/06/2023	9,143	18.0	4.5
SAB	HOSE	158,000	162,300	13/06/2023	5,641	21.0	5.6
SBT	HOSE	16,050	16,700	13/06/2023	827	15.7	1.1
PVI	HNX	50,000	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
BMI	HOSE	25,500	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
BVH	HOSE	46,900	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
ANV	HOSE	35,300	30,100	19/12/2022	320	12.0	1.3
VHC	HOSE	75,000	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
SZC	HOSE	38,300	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
GVR	HOSE	21,550	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
LHG	HOSE	27,950	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
PVT	HOSE	23,500	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
TRA	HOSE	89,100	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn